

Mùa an cư đặc biệt

Diệu Ngọc

An Cư Kiết Hạ là là một hình thức hoạt động trong sinh hoạt của Tăng đoàn theo truyền thống Phật giáo từ thời đức Phật còn tại thế.

Vào mỗi năm, mùa mưa là mùa mà phần nhiều côn trùng sinh sôi nảy nở, nếu đi ra ngoài thì không tránh khỏi giẫm chết côn trùng sâu bọ cho nên một trong những lý do Đức Thế Tôn tổ chức an cư hàng năm là để tránh cho tăng đoàn mang tội sát sanh, cho dù sát sanh trong vô tình. Vì như chúng ta đã biết, đối với Đức Thế Tôn thì chúng sanh bình đẳng và hai tiếng "chúng sanh" chúng ta phải hiểu đó là tiếng gọi để chỉ chung cho những loài có sự sống mà đã có sống thì có chết và có đau khổ. Mà Đức Thế Tôn ra đời là để cứu khổ. (Chúng ta nên nhớ là tăng đoàn của Thế tôn thời đó gồm hàng ngàn hoặc nhiều ngàn người chứ không phải ít, nếu đoàn người đó đi qua nơi nào thì không một loài côn trùng nào trên mặt đất còn có thể sống sót được.)

An cư cũng là dịp để chư tăng tụ tập lại một nơi nào đó để thúc liễm thân

tâm ôn tập lại những gì đã được học cũng như những kinh nghiệm đi hoằng hóa giáo pháp, vừa được nghe Đức Thế Tôn lợi dụng sự tụ tập đông đủ này để giảng dạy thêm. Trong dịp này thì thập phương bá tánh đem vật thực đến tận nơi để cúng dường chư tăng và luôn tiện người ta cùng tụ hội với chư tăng để nghe Đức Thế Tôn giảng pháp.

Tại chùa Hoa Nghiêm, theo thông lệ hàng năm cứ vào khoảng ba tháng trước kỳ hội Vu Lan các thầy và các sư cô thường thu xếp về Sydney an cư nhập hạ trong vòng ba tháng tại chùa Phước Huệ, thế nhưng năm nay lại có khác. Sau khi các thầy và các sư cô làm lễ nhập hạ tại chùa Phước Huệ đã trở về chùa Hoa Nghiêm để thực hành "tâm niệm an cư". Và thầy trụ trì chùa đã lợi dụng dịp này tổ chức những buổi thuyết pháp hàng tuần trong suốt mùa an cư để đem lại lợi ích chung cho các Phật tử trong vùng. Vì đã là Phật tử thì ai cũng muốn nghe Pháp để trao dồi thân tâm, để tự nhắc nhở mình trên con đường tu tập, những bằng Pháp ở thư viện chùa Hoa Nghiêm đã được người ta thay phiên nhau nghe có lẽ đã nhão rồi, nay có nhiều thầy thuyết pháp cho nghe thì còn gì bằng?

Hơn nữa, trong kỳ an cư năm nay, ngoài các thầy - cô tại chùa Hoa Nghiêm còn có các thầy từ các nơi khác cũng tụ hội về và đặc biệt là sự hiện diện của thầy Chơn Phát tốt nghiệp Phật học tại Ấn Độ trở về Việt Nam chưa bao lâu may nhờ có duyên lành thầy đến được với Phật tử

Đông Nam Melbourne khiến mọi người nức lòng hoan hỉ an cư theo để nghe Pháp.

Chẳng những thế mà thầy trụ trì còn tổ chức những buổi tọa đàm và tinh tâm niệm Phật hàng đêm sau thời kinh Pháp Hoa mỗi buổi chiều. Mà mọi người thì ai cũng nằm lòng câu "thân người khó được Phật pháp khó gặp" nên đã bắt chấp cái lạnh cắt da của Melbourne năm nay để trù mền ngồi nghe Pháp và tinh tâm niệm Phật.

Tuy là vậy nhưng có thắm vào đầu khi chúng ta nhớ đến Lục Tổ ngày xưa đeo đá giả gạo cầu pháp còn khổ gấp bao nhiêu lần. Nói trù mền nghe cho vui chứ thật ra vì chánh điện chùa quá rộng mà năm nay hình như Melbourne lại lạnh hơn mọi năm cho nên mỗi người tự tìm một khăn choàng to bằng len để phủ vai và lưng trong khi ngồi tinh tâm niệm Phật. Coi vậy chớ cũng sợ bị lạnh bị bệnh rồi vãng sanh trước khi niệm Phật được nhưt tâm!

Trong những buổi tọa đàm thì các thầy thay phiên nhau giảng giải thêm về tánh không, về lý duyên sinh, về vô thường về Tứ Diệu Đế, về Tịnh Độ..v.v. Hay là giảng thêm về ý nghĩa của phẩm Pháp Hoa vừa đọc tụng ban chiều.

Có một hôm, trong giờ tọa đàm sau thời kinh Pháp Hoa vừa tụng xong phẩm "Như Lai Thọ Lượng" (Phẩm thứ 16). Đại ý, trong đó Phật có nói một thí dụ về một vị lương y tài giỏi nhưng có việc phải đi xa, trong khi đó mấy người con ở nhà bị trúng



thuốc độc. Khi người cha về thấy vậy mới dùng toàn những cỏ thuốc tốt, mùi vị thật ngon rồi đâm nghiền hòa hợp rồi bảo các con mau uống để trừ các khổ não và hết bệnh nhưng trong số đó có người được đưa thuốc cho mà không chịu uống. Vì những người đó đã bị chất độc thâm nhập không còn biết phân biệt gì nữa. Mà người cha thì lúc nào cũng thương con nên lập kế mà nói rằng cha nay đã già giờ chết sắp đến, thuốc này cha để ở đây nên lấy mà uống thì lo gì không lành bệnh. Nói thế rồi lại đi xa và sai người về nói với các con là cha các người đã chết. Bấy giờ mấy người con nghe nói cha đã chết thì lòng buồn khổ vô cùng, nghĩ tưởng nhiều tới cha, nhớ tới công khó nhọc của cha đã bào chế thuốc để chữa bệnh cho mà không chịu uống. Nghĩ thế bèn lấy đó mà uống thì liền được lành bệnh. Người cha nghe các con đã chịu uống thuốc và đã hết bệnh bèn trở về cho các con đều thấy mặt. Sau khi kể thí dụ đó rồi Phật mới hỏi:

"Các Thiện-nam-tử! Ý ông nghĩ sao? Và có người nào có thể nói ông lương y đó mắc tội hư-dối chăng?"

"- Thưa Thế-Tôn, không thể được!"

Thú thật là tôi đi chùa tụng kinh bao nhiêu lâu nay, đã tụng kinh Pháp Hoa không biết bao nhiêu lượt nhưng khi tụng tới phẩm này đến câu cuối của thí dụ, đọc thấy Phật hỏi như vậy và người ta trả lời như vậy thì. Tôi cho là hết chuyện để nghĩ để bàn rồi, vì quả thật Phật dùng phương tiện để cứu người, cứu chúng sanh thì không thể nói Phật có ý dối gạt người... Tâm trí tôi nghĩ tới đó là hết! Hay có khi nghĩ sâu hơn một chút, rằng thì là mình phải tin Phật, thế thôi!

Bấy giờ nhờ có những buổi tọa đàm, tôi có dịp được các thầy khai sáng, tôi mới chợt tỉnh ra mà thấy rằng những điều tôi nghĩ hoàn toàn không phải là cái ý rớt ráo mà Phật muốn chỉ dạy cho chúng ta qua thí dụ nói

trên. Mà qua lời giảng của các thầy và theo tôi hiểu được thì.

Trong thí dụ nói trên, người cha cũng là vị lương y giỏi tượng trưng cho Đức Thế Tôn còn các người con tượng trưng cho chúng sanh. Vô đầu câu chuyện thì người cha không có ở nhà, các con bị uống làm thuốc độc sanh điên cuồng nằm lăn lộn trên đất. Là tượng trưng cho chúng sanh, khi Phật chưa ra đời thì chúng sanh chìm đắm trong bể khổ của dục lạc, lấy khổ làm vui, không hề biết rằng tam độc Tham-Sân-Si có thể làm cho chúng sanh điên loạn, vì tham cầu hoài mà không bao giờ được thỏa mãn. Khi người cha trở về bào chế thuốc hay cho các con uống thì chúng ta phải hiểu đó là thí dụ để chỉ lúc Đức Thế Tôn vì một nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời để đem giáo pháp tối thượng hết lòng truyền dạy để chúng sanh theo đó tu tập hầu thoát khỏi ưu bi khổ não và thoát cảnh trầm luân trong biển khổ sanh tử. Thế nhưng trong hàng chúng sanh lại không ít người không chịu nghe theo Ngài để tu tập, có thể vì người ta không tin giáo pháp của Ngài cứu được khổ, cũng có thể người ta vì ham mê những thú vui dục lạc của trần lao không muốn thôi bỏ. Nhưng Đức Thế Tôn là hiện thân của lòng từ bi bao la vô tận, không vì vậy mà Ngài phui tay quay mặt đi để cho chúng sanh mãi mãi chìm đắm trong biển khổ cho nên Ngài mới nghĩ ra kế hay. Trong thí dụ thì người cha vì lòng thương con thơ dại cho nên vẫn tiếp tục bào chế thuốc để lại nhà và dặn các con rằng thuốc ngon cha để ở đây chừng nào các con cần thì lấy đó mà uống vì cha có việc phải đi xa nhà nữa đây. Đây là lúc Đức Thế Tôn nhập diệt, nhưng toàn bộ giáo lý tối thượng mà Ngài đã giảng dạy trong suốt 49 năm đã được người ta đúc kết và lưu lại trong mấy mươi vạn quyển kinh sách. Cũng như trong thí dụ, người cha vì phải đi xa nhưng vẫn còn để thuốc ngon lại

nhà cho các con. Người cha biết các con tuy không nghe lời dạy, không chịu uống thuốc để chữa bệnh nhưng ông biết rất rõ là các con mình chỉ tạm thời bị thuốc độc làm cho mê mờ trong tư duy chớ còn bản tâm chân thật, lòng yêu kính cha già vẫn còn, vẫn không mất. Vì vậy cho nên ông lập kế cho người trở về báo tin ông đã chết để kêu gọi lại lòng bi mẫn của các con, tạo cơ hội để cho các con quay về với bản tánh chân thực và tình thương yêu đối với cha có cơ bộc phát trở lại. Một khi biết thương cha thì sẽ biết trân quý những thứ cha làm ra vì các con.

Chúng sanh tiếp nhận kho kinh sách và nghĩ tưởng tới Đức Thế Tôn đã vì chúng sanh mà hy sinh trọn cuộc đời để đi khắp nơi rao giảng chân lý tối thượng. Khi chúng ta biết quay đầu nhìn lại, thấy đời này là bể khổ, chí thành tu tập theo giáo lý của Ngài. Đó là hình ảnh những người con đã biết nghĩ tưởng và thương nhớ nhiều đến cha rồi lấy thuốc uống thì được hết bệnh. Khi những người con đã hoàn toàn hết bệnh thì người cha lại quay trở về để cho các con thấy mặt. Mặc dù Đức Thế Tôn đã nhập diệt nhưng giáo pháp của Ngài vẫn còn, những ai biết phát tâm theo đó mà tu duy, mà tu tập thì sẽ thấy Ngài hiện tiền ngay trong Tâm chớ không ở đâu xa, đó là hình ảnh người cha trở về cho các con thấy mặt.

Thí dụ của Đức Thế Tôn chứa đựng ý nghĩa cao thâm như vậy mà giờ này, sau bao nhiêu năm tụng kinh Pháp Hoa, tôi mới được khai sáng. Nhưng trẻ mà thấy được còn hơn không! Đức Thế Tôn bằng xương bằng thịt đã được hóa thiêu từ mấy ngàn năm nay nhưng giáo pháp của Ngài, cũng có thể hiểu là Pháp Thân của Ngài không diệt, nếu chúng ta biết dụng công tu tập, quyết chí cầu giải thoát thì một khi chúng ta hiểu đạo, giác ngộ được chân lý mà Ngài đã truyền trao thì Ngài với ta không xa ngoài

tầm tay với mà Ngài đang ở ngay nơi tâm ta. Cũng như người cha phao tin đã chết nhưng thật sự hãy còn và sẽ quay trở về cho các con thấy mặt. Đức Thế Tôn nhập diệt chỉ là phương tiện, Pháp Thân của Ngài hãy còn đây. Các vị Bồ Tát cũng vậy. Các Ngài sẽ hiện tiền nếu chúng ta biết thực hành đúng theo giáo pháp cứu khổ cầu giải thoát của Ngài.

Sau khi đã hiểu được như vậy. Hàng ngày sau giờ tụng kinh Pháp Hoa đến giờ tọa đàm tôi thường nhìn lên tôn tượng Phật Thích Ca ở giữa chánh điện rồi nhìn tôn tượng Đức Quán Thế Âm và tượng ngài Địa Tạng tôi thầm nghĩ. Giáo Pháp của Phật quá cao siêu mà chắc chắn rằng cái hiểu của tôi còn chưa tới đâu thì làm sao gặp được Phật. Nhưng tôi sẽ không nản lòng vì nghĩ mình còn cái may mắn là có các vị Bồ Tát với lòng từ bi vô lượng luôn luôn hộ trì những ai đã phát tâm tu theo Phật? Đức Quán Thế Âm luôn luôn kề cận để giúp đỡ chúng ta vượt qua những nghịch duyên, có kêu thì có ứng. Còn Đức Địa Tạng cầm tích trượng nhắc nhở chúng ta những quả báo không tránh khỏi nếu chúng ta tạo nghiệp không lành.



Hàng ngày, sau chùng một tiếng đồng hồ tụng kinh Pháp Hoa, một tiếng đồng hồ tọa đàm tiếp theo được chia làm hai, độ ba mươi phút đầu thì các thầy thay phiên nhau để giảng những bài pháp tuy ngắn nhưng thật hữu ích. Một tiếng chuông nhỏ vang lên chấm dứt thời pháp thì đèn trong chánh điện được vặn tắt chỉ còn lại mấy ngọn nến bập bùng trên các bệ thờ Phật. Bài kệ "Hộ Chuông" được Cô Phước Sinh xướng lên:

"Sơ canh dĩ đáo thượng thiên sàng,
"Tam nghiệp thanh tịnh độ thánh nhan,
"Thâm tín Phật ngôn hằng ức niệm,
"Bất lao đàn chỉ đạo Tây Phương.
"Nam mô. Công Đức Lâm Bồ tát.
(3lần)

"Ngưỡng lao đại chúng các các nhất tâm chánh niệm.

"Nam mô A Di Đà Phật." (3lần)

Tiếng xướng kệ vang lên thanh thoát hòa với tiếng chuông ngân nhẹ nhẹ đệm theo từng lời kệ tan loãng trong bầu không khí tĩnh lặng và trang nghiêm của ngôi chánh điện thật dễ làm cho người ta buông thả thân tâm trôi theo âm vang của câu niệm Phật và hình ảnh Đức Từ Phụ A Di Đà.

Có một hôm sau khi cả đạo tràng vừa dứt câu niệm Phật lần thứ ba, thay vì cùng với mọi người hướng tâm tư vào từng nhịp thở và quỵện chặt lấy sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật" và ảnh tượng Đức A Di Đà thì. Trong một phút giây thật ngắn ngủi, tôi nhớ lại lời các thầy nói là Pháp thân Phật vẫn còn chớ không mất, tôi thoáng đưa mắt nhìn lên tôn tượng Đức Thích Ca, tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, tượng Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát

rồi đảo mắt nhanh một vòng khắp đạo tràng, mọi người đang ngồi trong im lặng thì bỗng nhiên người tôi gần như run lên với cái cảm giác là Phật đang cùng chúng tôi ngồi thiền. Tiếp theo đó, một nỗi xúc động bùng lên dữ dội trong tôi, tôi có cảm giác gai ốc đồng loạt nổi lên khắp châu thân, mặt tôi nóng bừng và tự nhiên tôi muốn hét lên một tiếng thật to để thoát ra khỏi cái cảm giác lạ lùng đó. Cũng may là tôi đã kèm lại được vì đầu đó từ trong tâm tư tôi lời thầy Thiện Tâm chợt vang lên: "Cố bảm câu Nam Mô A Di Đà Phật dù bất cứ hoàn cảnh nào". Tôi tỉnh người lại, quay về với hiện tại, niệm thầm câu "Nam Mô A Di Đà Phật" mà có cảm giác mồ hôi tôi đã và ra khắp người dù trời đang giá lạnh. Tôi đưa tiếng niệm Phật theo từng hơi thở, lòng tôi dần dần an ổn nhẹ nhàng trở lại.

Sau buổi tọa đàm, trên đường về lòng tôi cứ nghĩ về cái thí dụ trong kinh Pháp Hoa phẩm 16, nghĩ về tình thương của bậc làm cha mẹ đối với con cái trong gia đình rồi nghĩ về tình thương của chư Phật đối với chúng sanh. Sao mà bao la quá. Phật thị hiện ra trong đời cũng vì chúng sanh, Phật hy sinh cả cuộc đời cũng chỉ để truyền bá đạo giải thoát cho chúng sanh. Và qua lời thầy giảng tôi có cảm tưởng rằng. Mặc dù Phật không còn tại thế nhưng tình thương của Ngài đã ban phát cho chúng sanh hãy còn bằng bạc đầu đây, có cảm nhận được cái tình thương bao la đó thì mới có công tu tập để không phụ công khó và lòng hy sinh vô bờ bến của Ngài. Xin cảm ơn các thầy đã tạo điều kiện để con thấm thía được tình yêu thương đó của chư Phật, các thầy đã nêu cao gương hy sinh để làm cái gạch nối dẫn truyền tình thương bao la của chư Phật đến với chúng con bằng những bài pháp để khai sáng tâm con. Đó là một thứ hành trang mà con cần có trên con đường tu vạn lý.

Mùa an cư 2004